

2. anh Lại Quang T, sinh ngày 27/02/2000, địa chỉ: tổ 6, ấp SL, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

anh Nguyễn Quang N, sinh năm: 1982, địa chỉ: 34, ấp C, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

- *Người làm chứng:*

1. anh Trần Ngọc Kh, sinh năm: 1992, địa chỉ: ấp M, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai

2. anh Đoàn Ngọc K, sinh năm 2000, địa chỉ: ấp SL, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai

3. anh Hứa Văn Tài, sinh năm: 1991, địa chỉ: ấp La Hoa, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

4. anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1999, địa chỉ: ấp T, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(bà H, bà T và anh Q có mặt; ông Đ, anh T và cả 04 người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn T là đối tượng nghiện chơi game. Trong khoảng thời gian từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 5 năm 2018, bị cáo T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 05 giờ sáng ngày 21/5/2018 bị cáo đang ngồi chơi game tại tiệm X-Game thuộc ấp M, xã SR, huyện CM thì phát hiện có 01 thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) đang gục đầu ngủ trên bàn máy vi tính, trên bàn để 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen, nên đã nảy sinh ý định lấy trộm. Quan sát xung quanh thấy không có ai, bị cáo đi ra phía sau lưng người thanh niên này, lấy chiếc điện thoại, tắt nguồn và bỏ vào túi quần rồi đi ra khỏi quán. Đến khoảng 14 giờ ngày 21/5/2018 bị cáo đã đưa cho bạn là Đoàn Ngọc K mượn điện thoại vừa trộm được để sử dụng.

Lần thứ hai: Khoảng 04 giờ sáng ngày 22/05/2018 cũng tại tiệm X-Game, bị cáo đang chơi game và còn có anh Lại Quang T cũng đang chơi game. Do điện thoại di động hết pin nên anh T hỏi bị cáo có chỗ nào sạc pin không thì bị cáo chỉ T đến bàn máy chủ; anh T mang điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J5, màu trắng -vàng đến bàn máy chủ cắm sạc rồi quay lại chơi game tiếp. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc T ngủ quên, bị cáo đã lén lút đi đến lấy trộm chiếc điện thoại Samsung Galaxy J5 của anh T đem cất giấu. Đến 09 giờ cùng ngày, bị cáo đem điện thoại trộm được đến tiệm điện thoại Kim Minh tại ấp C, xã SR, huyện CM cầm cố cho anh Nguyễn Quang N được 1.000.000 đồng, tiêu xài hết.

Lần thứ ba: Khoảng 07 giờ ngày 23/5/2018 bị cáo đang ngồi chơi game tại tiệm Internet Blade thuộc ấp M, xã SR, huyện CM thì thấy anh Trần Gia Q ngồi

đối diện với bị cáo đang gục đầu trên bàn máy vi tính ngủ, trên bàn có 01 điện thoại Iphone 6, màu gold; quan sát không thấy ai để ý, bị cáo đi lại lấy trộm chiếc điện thoại của anh Q rồi tắt nguồn, bỏ vào túi quần và đi ra khỏi tiệm. Sau khi phát hiện mất điện thoại, anh Q xem lại camera của quán game thì thấy bị cáo T là người lấy trộm điện thoại nên đã nhờ anh Hứa Văn T đi tìm bị cáo T đòi lại điện thoại. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh T tìm thấy bị cáo T lấy lại điện thoại Iphone 6 cho anh Q và báo Công an xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 29/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CM xác định:

- + 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen có giá trị là 1.000.000 đồng;
- + 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5, màu trắng vàng, có giá trị là 3.992.000 đồng;
- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu Gold, 64G, có giá trị là 5.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 10.392.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 55/CT-VKSCM ngày 02/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện CM, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 90, Điều 91 và Điều 65 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo T từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách gấp đôi. Về xử lý vật chứng: do không xác định được chủ sở hữu chiếc điện thoại Vivo màu đen nên đề nghị áp dụng Điều 228 của Bộ luật dân sự tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại trên thời gian 01 năm kể từ ngày đăng báo, nếu không ai nhận thì sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của đại diện bị cáo: bị cáo T sinh ngày 07/7/2001 là đúng thực tế, tuy nhiên do lúc đó bà bận công việc gia đình nên khai sinh trễ hạn. Trước ngày phạm tội, do bị cáo có lỗi, bị anh họ đánh đòn nên bị cáo bỏ nhà đi; gia đình đi tìm bị cáo nhiều ngày chưa được thì nhận được thông báo của Công an xã về việc bị cáo có hành vi trộm cắp điện thoại và bị cáo có đề nghị bà mang số tiền 1.000.000 đồng trả cho anh N (chủ cửa hàng điện thoại Kim Minh) để chuộc lại chiếc điện thoại về giao nộp cơ quan Công an. Quá trình các cơ quan tiến hành tố tụng làm việc với bị cáo đều có mặt bà, lời khai của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai trong quá trình điều tra. Bà đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bà đã bồi thường thay.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất với nội dung cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa; bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng; nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng mà Kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên, cũng đề nghị HĐXX xem xét về hoàn cảnh của bị cáo, đó là: cha mẹ ly hôn từ khi bị cáo còn rất nhỏ và bị cáo sống với mẹ, thiếu đi sự quản lý, dạy dỗ nghiêm khắc của người cha; xét về thành tích học tập từ năm lớp 1 đến năm lớp 10 bị cáo luôn được giấy khen; bị cáo là người con hiếu thảo với mẹ, chỉ vì tuổi trẻ, bồng bột, thiếu suy nghĩ nên bị cáo đã nhất thời phạm tội. Tại thời điểm phạm tội cũng như đến thời điểm xét xử bị cáo T đã hơn 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên đề nghị xem xét nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 của BLHS để có mức án nhẹ nhất đối với bị cáo.

Trình bày của bị hại Trần Gia Q: vào tối 22/5/2018 anh đến tiệm internet Blade để thuê máy tính làm việc trên mạng và đến sáng ngày 23/5/2018 do mệt nên anh ngủ quên; lúc tỉnh dậy thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại Iphone 6. Sau khi xem lại camera của quán thì phát hiện bị cáo T là người lấy trộm nên đã nhờ người quen đi tìm T lấy lại điện thoại. Hiện nay anh đã nhận lại tài sản của mình nên không yêu cầu gì về dân sự; do bị cáo còn trẻ tuổi, tính tình bồng bột nên anh đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX thực hiện công bố lời khai của họ tại các bút lục: 52, 53 -> 58, 92, 94, 96, 97, 98.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, đại diện bị cáo, người bào chữa, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: những người vắng mặt, gồm: bị hại (anh T), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh N) và những người làm chứng (anh Kh, anh K, anh Hứa Văn T và anh Nguyễn Văn T) đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự; việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các Điều 292, 293 của BLTTHS.

[3] Qua tài liệu thu thập trong hồ sơ cũng như qua xét hỏi tại phiên tòa cho thấy: bị cáo T có giấy khai sinh số 384 do UBND xã XT cấp ngày 29/9/2006, ghi ngày sinh của bị cáo là 07/7/2001, khai sinh này là quá hạn (BL 39, 40); mẹ ruột của bị cáo (là bà H) xác định ngày sinh của bị cáo ghi trong giấy khai sinh là đúng, nhưng do bận rộn công việc nên gia đình không thực hiện khai sinh đúng hạn quy định; bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0537/ĐT/2018 ngày 16/7/2018 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai kết luận: vào ngày 09/7/2018 độ tuổi của Lê Văn T là 17 tuổi (+/- 06 tháng). Như vậy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T đã đủ 16 tuổi, tức là đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của BLHS.

[4] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, bản cung của bị cáo đã được thu thập trong hồ sơ (BL 67 -> 79), phù hợp với lời khai của các bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định được: vào các ngày 21, 22 và 23 tháng 5/2018 tại các tiệm Internet lợi dụng các chủ sở hữu ngủ quên, sơ hở trong quản lý tài sản, bị cáo T đã lén lút lấy trộm 03 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen của một người không rõ lai lịch trị giá 1.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5, màu trắng vàng của anh Lại Quang T trị giá 3.992.000 đồng; và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu Gold, 64G của anh Trần Gia Q trị giá 5.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt của các bị hại là 10.392.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và trong đó có 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành cơ bản của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Do đó, Cáo trạng số 55/CT-VKSCM ngày 02/10/2018 của VKSND huyện CM truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng: với việc bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp và mỗi lần đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo cấu thành cơ bản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, đó là: người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả (điểm b); phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (điểm h) và người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s). Ngoài ra, HĐXX cũng xem xét điều kiện, hoàn cảnh bị cáo từ nhỏ cha mẹ ly hôn, bị cáo sống với mẹ nên thiếu tình cảm và sự giáo dục của cha; bị cáo tuổi còn trẻ,

nhận thức pháp luật có phần hạn chế để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[7] Từ những phân tích về tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy: bị cáo T có nhân thân tốt, lúc phạm tội và khi xét xử chưa đủ 18 tuổi nên khi xử lý hành vi phạm tội của bị cáo cần đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 91 của BLHS; ngoài ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 của BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận bồi thường, không ai yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết về phần dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng: đối với chiếc điện thoại đi động hiệu Vivo, màu đen, số Imei: 869525023277516, do anh Đoàn Ngọc K giao nộp, quá trình điều tra đến nay vẫn chưa xác minh được chủ sở hữu; cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng từ ngày 20/9/2018. Trong trường hợp này, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự về xác lập tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, cần tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại trên cho đến khi có chủ sở hữu đến nhận, nếu quá 01 năm kể từ ngày công khai mà không có ai đến nhận sẽ sung vào công quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65: Điều 90 và Điều 91 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Lê Văn T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS; Điều 228 của Bộ luật dân sự;

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 20/9/2018, nếu không có người đến nhận chiếc điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, số Imei: 869525023277516 thì sẽ được sung quỹ Nhà nước.

(Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/9/2018)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện bị cáo, người bào chữa, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- UBND xã XT;
- Lưu HS, AV (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hà Thế Nam